

Số: /2020/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp
nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

1. Các văn bản là căn cứ ban hành Nghị quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật; Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật;
- Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho DNNVV thông qua mạng lưới tư vấn viên;

2. Nội dung Nghị quyết

Gồm 09 Điều, cụ thể như sau:

2.1. Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.2. Điều 2: Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa (gọi chung là doanh nghiệp nhỏ và vừa).

- b) Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.
- c) Cơ quan, tổ chức và cá nhân cung ứng dịch vụ tư vấn pháp luật.
- d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.3. Điều 3: Nguyên tắc áp dụng

a) Những nội dung về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa không được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (*sau đây viết tắt là Nghị định số 55/2019/NĐ-CP*), Nghị định số 39/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

b) Việc thực hiện đảm bảo theo nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 5 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Điều 4 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

c) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP hoặc mạng lưới tư vấn pháp luật của địa phương Nghị quyết này.

d) Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

2.4. Điều 4: Xây dựng mạng lưới tư vấn viên pháp luật địa phương

a) Mạng lưới tư vấn viên pháp luật địa phương: Gồm luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn viên pháp luật, trung tâm tư vấn pháp luật đủ điều kiện hành nghề tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật, tự nguyện đăng ký tham gia và được Sở Tư pháp công nhận, công bố công khai (*sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên pháp luật địa phương*) để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mạng lưới tư vấn viên pháp luật địa phương hoạt động độc lập với mạng lưới tư vấn viên pháp luật quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật địa phương thông qua danh sách tư vấn viên pháp luật được đăng tải trên Cổng thông tin của tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp.

c) Tổ chức hoạt động hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Thực hiện theo Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên.

d) Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức, xây dựng tiêu chí, công nhận, công bố, quản lý, giám sát và đánh giá hoạt động mạng lưới tư vấn viên pháp luật địa phương.

2.5. Điều 5: Chính sách về hỗ trợ

- a) Hỗ trợ tư vấn pháp luật.
- b) Hỗ trợ tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật.

2.6. Điều 6: Hỗ trợ tư vấn pháp luật

2.6.1. Hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật khi doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật địa phương. Cụ thể:

- a) Doanh nghiệp siêu nhỏ: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 03 triệu đồng/năm.
- b) Doanh nghiệp nhỏ: Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 05 triệu đồng/năm.
- c) Doanh nghiệp vừa: Hỗ trợ 10% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 10 triệu đồng/năm.

2.6.2. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Sau khi thực hiện xong thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật phù hợp thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật địa phương, doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng phương thức điện tử đến Sở Tư pháp đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về vụ việc, vướng mắc. Hồ sơ đề nghị, gồm:

- a1) Văn bản đề nghị thanh toán, trong đó có tên người thụ hưởng và số tài khoản, ngân hàng của người thụ hưởng;
- a2) Tờ khai xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo mẫu được quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP;
- a3) Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- a4) Bản chụp Hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, trong đó nêu rõ nội dung tư vấn, phí dịch vụ tư vấn;
- a5) Văn bản tư vấn pháp luật, bao gồm 01 bản đầy đủ và 01 bản đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp;
- a6) Hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật.

Sở Tư pháp phải công khai địa chỉ đơn vị đầu mối, phương thức điện tử tiếp nhận hồ sơ đề nghị trên trang thông tin điện tử của mình.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Tư pháp xem xét, quyết định hỗ trợ và thanh toán chi phí hỗ trợ bằng chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của người thụ hưởng theo Văn bản đề nghị thanh toán của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng được hỗ trợ hoặc nội dung văn bản tư vấn pháp luật không thuộc phạm vi tư vấn theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật thì Sở Tư pháp từ chối thanh toán chi phí và có văn bản thông báo với doanh nghiệp, nêu rõ lý do từ chối.

2.6.3. Lập dự toán, quản lý và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

a) Hàng năm, Sở Tư pháp lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong dự toán ngân sách để chi trả nội dung Hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp.

b) Sở Tư pháp thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

c) Trường hợp kinh phí đã giao trong dự toán không đủ để thực hiện hỗ trợ, Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để cấp bổ sung kinh phí; trường hợp kinh phí đã được cấp không hỗ trợ hết sẽ được hoàn trả lại ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Sở Tài chính cân đối nguồn lực, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách; hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

2.7. Điều 7: Hỗ trợ tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật

2.7.1. Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhưng không quá 100 triệu đồng/năm.

Nội dung chi, mức chi, hóa đơn, chứng từ chi tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.7.2. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Hàng năm, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp căn cứ nhu cầu được bồi dưỡng kiến thức pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa xây dựng đề xuất tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp và dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tư pháp tổng hợp chung trong Kế hoạch và dự toán thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP;

b) Kinh phí hỗ trợ tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được bố trí trong kinh phí hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo khoản 2 Điều 15 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và được cấp trực tiếp cho tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

c) Việc lập, tổng hợp, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, thanh, quyết toán kinh phí tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn việc lập, tổng hợp, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán; thanh, quyết toán kinh phí cho tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật.

2.8. Điều 8: Nguồn vốn hỗ trợ

Nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2.9. Điều 9: Tổ chức thực hiện

a) Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

b) Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

c) Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020.

3. Phần nơi nhận.

4. Phần ký.
